

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 1 NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 01, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****Tại ngày 31 tháng 3 năm 2018**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.628.718.657.889	2.223.117.121.083
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	457.693.530.711	779.802.200.597
1.	Tiền	111		324.793.530.711	494.938.359.637
2.	Các khoản tương đương tiền	112		132.900.000.000	284.863.840.960
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		125.841.857.428	113.000.452.720
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	140.694.265.680	140.694.265.680
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(50.852.408.252)	(74.153.531.152)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	36.000.000.000	46.459.718.192
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		832.963.156.780	1.127.689.185.681
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	267.539.502.081	619.894.329.405
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	302.094.596.951	306.179.387.814
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	15.860.000.000	15.780.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	258.257.378.407	199.721.186.951
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.788.320.659)	(13.885.718.489)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		81.574.168.851	107.800.595.571
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	84.641.805.564	110.858.381.291
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.067.636.713)	(3.057.785.720)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		130.645.944.119	94.824.686.514
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	8.452.925.568	11.702.482.727
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		121.058.313.408	79.350.944.882
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	1.134.705.143	3.771.258.905
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.227.674.357.849	9.068.100.086.189
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		104.546.156.600	127.490.383.350
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	358.000.000	358.000.000
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	104.188.156.600	127.132.383.350
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		3.035.104.470.079	3.208.464.134.770
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.691.733.821.447	2.827.737.097.831
-	Nguyên giá	222		4.050.777.294.598	4.816.531.395.729
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.359.043.473.151)	(1.988.794.297.898)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	60.762.132.896	64.828.449.857
-	Nguyên giá	225		92.987.286.021	92.987.286.021
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(32.225.153.125)	(28.158.836.164)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	282.608.515.736	315.898.587.082
-	Nguyên giá	228		338.039.398.431	375.212.554.403
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(55.430.882.695)	(59.313.967.321)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
-	Nguyên giá	231		-	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		1.726.839.660.949	2.457.808.973.398
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.726.839.660.949	2.457.808.973.398
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.521.180.972.819	2.310.194.997.897
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.412.223.240.286	2.198.035.895.580
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	238.333.032.000	238.333.032.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(129.375.299.466)	(126.173.929.683)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		840.003.097.402	964.141.596.774
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	721.999.335.974	837.630.679.562
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	32.857.759.020	33.016.627.000
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269	V.15	85.146.002.407	93.494.290.212
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		9.856.393.015.738	11.291.217.207.272

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		3.486.605.624.032	4.196.680.125.183
I. Nợ ngắn hạn		310		1.594.131.707.980	2.676.231.766.155
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.16	248.060.365.594	761.273.221.507
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.17	30.041.294.888	44.834.320.046
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.18	285.216.961.754	42.803.370.054
4. Phải trả người lao động		314	V.19	30.054.841.597	101.245.754.112
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.20	152.261.343.865	317.045.083.559
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318	V.21a	58.675.380.531	9.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.22a	250.060.055.384	580.734.276.203
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.23a	428.368.083.575	714.513.339.980
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321	V.24	67.190.326.935	66.971.291.211
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.25	44.203.053.857	46.801.609.483
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		1.892.473.916.053	1.520.448.359.028
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336	V.21b	235.737.935.783	231.677.582.133
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.22b	65.990.745.631	61.593.495.590
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.23b	1.590.410.934.814	1.220.610.259.547
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341	V.26	334.299.825	6.567.021.758
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

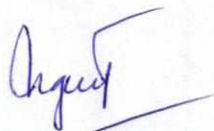
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		6.369.787.391.707	7.094.537.082.089
I. Vốn chủ sở hữu		410		6.369.787.391.707	7.094.537.082.089
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411	V.27a	2.882.769.570.000	2.882.769.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		2.882.769.570.000	2.882.769.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	V.27a	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414	V.27a	71.797.775.902	71.797.775.902
5. Cổ phiếu quỹ		415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417	V.27a	52.457.218.814	65.512.288.857
8. Quỹ đầu tư phát triển		418	V.27a	140.506.685.321	140.506.685.321
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420	V.27a	127.775.807.349	128.055.807.347
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421	V.27a	497.943.770.689	1.113.091.207.224
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a			605.206.881.853
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		421b		497.943.770.689	507.884.325.371
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429	V.28	654.704.366.591	750.971.550.398
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1. Nguồn kinh phí		431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		9.856.393.015.739	11.291.217.207.272

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2018



Phạm Quang Huy
 Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 01, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

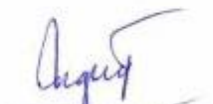
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	689.172.395.825	859.895.587.821	689.172.395.825	859.895.587.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d	10		689.172.395.825	859.895.587.821	689.172.395.825	859.895.587.821
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	483.851.261.514	664.337.895.428	483.851.261.514	664.337.895.428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		205.321.134.310	195.557.692.393	205.321.134.310	195.557.692.393
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.394.993.024.305	14.318.479.163	1.394.993.024.305	14.318.479.163
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	19.654.103.466	35.696.384.381	19.654.103.466	35.696.384.381
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.495.654.211	35.547.855.206	23.495.654.211	35.547.855.206
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, li	24		23.446.140.809	24.745.986.584	23.446.140.809	24.745.986.584
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	22.231.081.392	15.639.137.723	22.231.081.392	15.639.137.723
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	77.546.133.866	68.850.237.082	77.546.133.866	68.850.237.082
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.504.328.980.701	114.436.398.954	1.504.328.980.701	114.436.398.954
12. Thu nhập khác	31	VI.8	6.075.295.345	6.232.649.027	6.075.295.345	6.232.649.027
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.222.381.022	2.452.746.753	3.222.381.022	2.452.746.753
14. Lợi nhuận khác	40		2.852.914.323	3.779.902.274	2.852.914.323	3.779.902.274
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.507.181.895.023	118.216.301.228	1.507.181.895.023	118.216.301.228
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hà	51		234.644.541.762	10.113.756.199	234.644.541.762	10.113.756.199
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lạ	52		(6.013.585.669)	(348.055.767)	(6.013.585.669)	(348.055.767)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.278.550.938.930</u>	<u>108.450.600.796</u>	<u>1.278.550.938.930</u>	<u>108.450.600.796</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.267.479.960.284	95.833.110.778	1.267.479.960.284	95.833.110.778
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm	62		11.070.978.647	12.617.490.018	11.070.978.647	12.617.490.018
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>4.362</u>	<u>491</u>	<u>4.362</u>	<u>491</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>4.362</u>	<u>491</u>	<u>4.362</u>	<u>491</u>


 Phạm Quang Huy
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

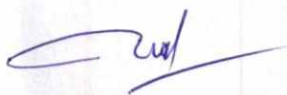
Quý 1 năm 2018

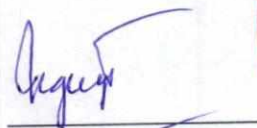
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.507.181.895.023	118.216.301.228
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		77.874.272.784	73.616.448.256
- Các khoản dự phòng	03		(21.692.354.900)	(1.436.875.231)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.299.019	(5.085.120.021)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.414.029.869.693)	(2.874.067.765)
- Chi phí lãi vay	06		23.495.654.211	35.547.855.206
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		172.830.896.444	217.984.541.673
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(497.508.020.481)	23.605.741.090
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(398.320.303)	(5.948.916.421)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		398.310.526.986	(22.222.693.323)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		118.880.900.747	(1.315.432.563)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.186.585.232)	(18.256.403.173)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(38.203.443.928)	(17.289.456.069)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.436.438.720)	(19.988.105.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		137.289.515.514	156.569.275.977
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(272.711.776.581)	(197.116.506.150)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		619.090.907	3.149.999.999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.080.000.000)	(104.372.881.944)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.000.000.000	60.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(36.649.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.853.783.887.170	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.905.093.884	3.208.167.927
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.602.867.295.380	(235.131.220.168)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		599.394.510.793	76.034.326.944
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(483.077.769.226)	(61.087.468.413)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.121.195.987)	(4.471.592.707)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.173.872.363.600)	(2.543.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.062.676.818.020)	7.931.865.824
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(322.520.007.126)	(70.630.078.367)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		779.802.200.597	724.469.956.298
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		411.337.240	691.183.379
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		457.693.530.711	654.531.061.310

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2018


Phạm Quang Huy
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không.
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 051/GMD-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2017 về tái cấu trúc Công ty, thoái vốn tại một số công ty thành viên để tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 49% vốn tại Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding và 50,9% vốn tại Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding. Đồng thời, Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding đã đổi tên thành Công ty TNHH CJ-Gemadept Shipping Holdings theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 0314492497 sửa đổi lần 2 ngày 13/02/2018 và Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding đã đổi tên thành Công ty TNHH CJ-Gemadept Logistics Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314546921 sửa đổi lần 2 ngày 13/02/2018.

Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 và cổ tức đặc biệt bằng tiền, tỷ lệ thực hiện 80%, tương đương 8.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 08/03/2018, Công ty đã hoàn tất giải thể công ty con là Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng. Ngày 28/03/2018 Hội đồng quản trị Công ty đã ra quyết định chấm dứt hoạt động và giải thể các công ty con tại Singapore là Gemadept (S) Pte.Ltd và Grand Pacific Shipping Pte.Ltd.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 25 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Gemadept (S) Pte. Ltd. ⁽ⁱ⁾	63 Market Street #05-01A, Bank of Singapore Centre, Singapore 048942	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%
Grand Pacific Shipping Pte. Ltd. ⁽ⁱ⁾	63 Market Street #05-01A, Bank of Singapore Centre, Singapore 048942	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	98 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	53,20%	53,20%	53,20%	53,20%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept ⁽ⁱⁱ⁾	Đường số 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển hạ tầng Gemadept	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%	54,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng ⁽ⁱ⁾	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	0,00%	100,00%	0,00%	100,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	61 đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	18B đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương	947 Thôn Por Prok Khang Tbon, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, TP. Phnom Penh, Vương quốc Campuchia	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%	84,66%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	65,00%	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Km 6 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holding ^(iv)	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	100,00%	51,00%	100,00%
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holding ^(iv)	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	100,00%	49,10%	100,00%

(i) Giám do giải thể công ty con.

(ii) Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn góp và đang hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng

(iii) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

(iv) Giám do chuyển nhượng vốn góp

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,89%	32,89%	32,89%	32,89%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱ⁾	Khu vực Cái Mép, xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	65,13%	65,13%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Tầng 13, toàn nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings ⁽ⁱⁱ⁾	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	0,00%	49,10%	0,00%

- (i) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link là hơn 50% nhưng theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó khoản đầu tư này được trình bày ở chỉ tiêu Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.
- (ii) Công ty đã chuyển nhượng 50,90% vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc quý, Tập đoàn có 1.661 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 1 năm 2018 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối kỳ trên 2% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí phát sinh liên quan đến dự án chưa hoàn thành.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là:

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 02 – 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Các chi phí phát sinh liên quan đến các lô cây trồng sinh trưởng kém sẽ được ghi giảm vào chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã cung cấp từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	21.799.892.560	18.620.790.100
Tiền gửi ngân hàng	296.917.475.483	473.687.600.445
Tiền đang chuyển	6.076.162.668	2.629.969.092
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	132.900.000.000	284.863.840.960

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng	457.693.530.711	779.802.200.597

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	69.271.319.700	(25.699.710.300)	94.971.030.000	50.379.141.600	(44.591.888.400)
Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.488.264.362	19.982.925.000	(11.505.339.362)	31.488.264.362	15.799.832.700	(15.688.431.662)
Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	587.216.500	(13.647.104.600)	14.234.321.100	361.364.000	(13.872.957.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	496.750	(253.990)	650.218	512.500	(253.990)
Cộng	140.694.265.680	89.841.957.950	(50.852.408.252)	140.694.265.680	66.540.850.800	(74.153.531.152)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	62.538.064.097	15.984.821.691	78.522.885.788	62.538.064.097	15.344.470.881	77.882.534.978
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	-	-	-	23.236.200.000	4.319.159.395	27.555.359.395
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	396.204.440.000	90.765.973.917	486.970.413.917	396.204.440.000	116.773.764.979	512.978.204.979
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	49.825.280.000	(17.275.963.911)	32.549.316.089	49.825.280.000	(17.054.297.789)	32.770.982.211
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept- Terminal Link	1.477.350.000.000	(113.378.021.178)	1.363.971.978.822	1.477.350.000.000	(110.224.254.762)	1.367.125.745.238
Công ty TNHH Golden Globe	89.355.403.136	-	89.355.403.136	89.355.403.136	-	89.355.403.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line-Gemadept	108.001.500.000	6.767.551.153	114.769.051.153	71.352.500.000	7.348.761.236	78.701.261.236
Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding	131.555.876.205	-	131.555.876.205	-	-	-
Các công ty liên doanh, liên kết khác	134.045.631.143	(19.517.315.967)	114.528.315.176	29.425.608.143	(17.759.203.736)	11.666.404.407
Cộng	2.448.876.194.581	(36.652.954.295)	2.412.223.240.286	2.199.287.495.376	(1.251.599.796)	2.198.035.895.580

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)		
Doanh thu dịch vụ	-	3.186.233.335
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	-	213.884.980
Cổ tức được chia	55.885.920.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link		
Lãi vay	307.113.788	306.643.042
Doanh thu cho thuê văn phòng	66.000.000	66.000.000
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	1.157.040.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực		
Chi phí dịch vụ	-	15.025.480.770
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm		
Cho vay	80.000.000	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept		
Đầu tư thêm	36.649.000.000	-
Doanh thu dịch vụ	1.154.213.699	1.728.529.826
Chi phí dịch vụ	-	10.818.485
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept		
Lãi cho vay	192.190.274	-
Cho thuê tài sản	602.677.268	-
Doanh thu dịch vụ	382.525.032	-
Công ty Cổ phần Mekong Logistic		
Lãi cho vay	18.410.959	-
Cho vay	3.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	165.581.032.000	165.581.032.000
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam ⁽ⁱ⁾	31.752.000.000	31.752.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Phát Triển Hạ Tầng Mặt Trời Đông Dương	36.000.000.000	36.000.000.000
Công ty CP Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	238.333.032.000	238.333.032.000

(i) Công ty đang hoàn tất các thủ tục giải thể.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	11.944.301.120	1.201.545.526
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	2.365.698.198	-
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept	709.393.360	1.129.546.073
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	25.500.000	25.500.000
Công ty TNNN MTV Tiếp Vận Gemadept	1.321.151.786	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	7.522.557.776	-
Công ty TNHH Golden Globe	-	46.499.453
Phải thu các khách hàng khác	255.595.200.961	618.692.783.879
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Cái Mép	12.443.370.525	25.281.975.630
Các khách hàng khác	243.151.830.436	593.410.808.249
Cộng	267.539.502.081	619.894.329.405

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn**4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần Bông Sen Vàng	63.774.181.296	63.774.181.296
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	10.783.853.004	32.610.413.004
Công ty cổ phần cảng Bình Dương	120.978.980.918	109.964.480.918
Các nhà cung cấp khác	106.557.581.733	99.830.312.596
Cộng	302.094.596.951	306.179.387.814

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Vương Song	358.000.000	358.000.000
Cộng	358.000.000	358.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cho các bên liên quan vay	4.860.000.000	1.780.000.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	1.860.000.000	1.780.000.000
Công ty Cổ phần Mekong logistic	3.000.000.000	-
Cho tổ chức khác vay	11.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	11.000.000.000	14.000.000.000
Cộng	15.860.000.000	15.780.000.000

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	31.907.115.894	22.199.928.222
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	206.882.222	206.882.222
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	300.000.000	300.000.000
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	1.072.446.000	1.072.446.000
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	529.326.068	-
Công ty cổ phần Me Kong Logistic	18.410.959	-
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	9.082.100.645	-
Công ty TNHH Golden Globe - Các khoản chi hộ	20.697.950.000	20.620.600.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân	226.350.262.513	177.521.258.729
Các khoản chi hộ	9.137.095.274	13.131.120.092
Tạm ứng	58.946.123.060	80.608.440.135
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam – Góp vốn hợp tác đầu tư	26.741.983.658	26.445.000.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	3.911.000.000	22.936.179.547
Các khoản phải thu khác	127.614.060.521	34.400.518.955
Cộng	258.257.378.407	199.721.186.951

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sài Gòn Xanh	31.000.000.000	-
Các khoản ký quỹ dài hạn	11.611.156.600	61.107.531.880
Các khoản phải thu dài hạn khác	577.000.000	5.024.851.470
Cộng	104.188.156.600	127.132.383.350

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(13.885.718.489)	(15.255.839.281)
(Dự phòng) Hoàn nhập dự phòng	3.097.397.830	-
Số cuối kỳ	(10.788.320.659)	(15.255.839.281)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	28.144.507.437	-	31.030.378.912	-
Nhiên liệu tồn trên tàu	2.688.434.565	-	18.542.370.120	-
Phụ tùng thay thế	14.549.946.823	-	16.817.609.411	-
Công cụ dụng cụ	357.687.842	-	537.186.111	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.849.287.161	-	33.272.510.599	-
Hàng mua đang đi đường	-	-	2.679.521.050	-
Hàng hóa	4.051.941.736	(3.067.636.713)	7.978.805.088	(3.057.785.720)
Cộng	84.641.805.564	(3.067.636.713)	110.858.381.291	(3.057.785.720)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	97.394.403	2.808.533.460
Chi phí vật tư	1.889.642.470	3.259.581.350
Chi phí bảo hiểm	3.386.926.223	3.197.397.875
Các chi phí khác	3.078.962.472	2.436.970.042
Cộng	8.452.925.568	11.702.482.727

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ⁽ⁱ⁾	143.517.842.220	275.038.913.742
Tiền thuê đất ⁽ⁱⁱ⁾	504.471.130.265	466.246.574.207
Chi phí đầu tư đường gom	26.148.812.962	27.026.364.939
Chi phí vật tư, phụ tùng	9.271.994.231	23.087.327.160
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	12.493.453.032	8.620.084.653
Chi phí lãi thuê tài chính container	16.647.941.053	17.701.641.274

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các chi phí khác	9.448.162.211	19.909.773.587
Cộng	721.999.335.974	837.630.679.562

- (i) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ và Công ty Cổ phần Mekong Logistics. Trong đó, quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.
- (ii) Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải, Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ và Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen-Gemadep. Trong đó tiền thuê đất của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.530.169.505.383	1.109.716.525.465	2.129.356.317.680	47.289.047.202	4.816.531.395.729
Tăng trong kỳ	351.572.289.103	386.371.296.649	14.151.439.764	6.921.391.101	759.016.416.616
Giảm trong kỳ	-	-	(1.524.770.517.747)	-	(1.524.770.517.747)
Số cuối kỳ	1.881.741.794.486	1.496.087.822.114	618.737.239.696	54.210.438.303	4.050.777.294.598
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	456.822.862.774	385.784.247.638	1.131.841.132.731	14.346.054.755	1.988.794.297.898
Tăng trong kỳ	28.226.704.022	22.365.574.943	611.337.577.367	270.455.585	662.200.311.917
Giảm trong kỳ	-	(600.000.000)	(1.291.351.136.664)	-	(1.291.951.136.664)
Số cuối kỳ	485.049.566.796	407.549.822.581	451.827.573.434	14.616.510.340	1.359.043.473.151
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.073.346.642.609	723.932.277.827	997.515.184.949	32.942.992.447	2.827.737.097.831
Số cuối kỳ	1.396.692.227.690	1.088.537.999.533	166.909.666.262	39.593.927.963	2.691.733.821.447

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Thiết bị và phương tiện vận tải</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	92.987.286.021
Tăng trong kỳ	-
Số cuối kỳ	92.987.286.021
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	28.158.836.164
Tăng trong kỳ	4.066.316.961
Số cuối kỳ	32.225.153.125

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Giá trị còn lại**

Số đầu năm

Số cuối kỳ

Thiết bị và phương tiện vận tải

64.828.449.857

60.762.132.896**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Chi phí thiết kế web	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	344.131.744.203	30.975.810.200	105.000.000	375.212.554.403
Tăng trong kỳ	-	(119.091.770)	-	(119.091.770)
Giảm trong kỳ	(37.054.064.202)	-	-	(37.054.064.202)
Số cuối kỳ	307.077.680.001	30.856.718.430	105.000.000	338.039.398.431
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	42.813.415.433	16.456.438.985	44.112.903	59.313.967.321
Tăng trong kỳ	1.508.899.395	545.267.768	12.500.001	2.066.667.164
Giảm trong kỳ	(5.640.486.381)	(309.265.409)	-	(5.949.751.790)
Số cuối kỳ	38.681.828.447	16.692.441.344	56.612.904	55.430.882.695
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	301.318.328.770	14.519.371.215	60.887.097	315.898.587.082
Số cuối kỳ	268.395.851.554	14.164.277.086	48.387.096	282.608.515.736

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Đầu kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm/kỳ	Phát sinh trong kỳ	Cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	395.909.939.472	(377.498.206.515)	14.046.992.835	32.458.725.792
XDCB dở dang	2.061.899.033.926	(457.532.921.944)	90.014.823.175	1.694.380.935.157
- Công trình cảng Hoa Sen	11.409.059.008	-	-	11.409.059.008
- Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.165.085.825	-	-	51.165.085.825
- Công trình đường, bãi cảng Dung Quất	4.016.113.207	(4.016.113.207)	-	-
- Dự án cao su của Pacific Pearl	358.756.768.260	-	9.985.611.864	368.742.380.124
- Dự án cao su của Pacific Lotus	472.932.713.220	-	9.905.231.970	482.837.945.190
- Dự án cao su của Pacific Pride	704.723.258.140	-	14.070.534.534	718.793.792.674
- Dự án Mekong Logistic	36.855.889.212	(36.855.889.212)	-	-
- Dự án Nam Hải logistic	27.171.814.869	-	1.482.443.557	28.654.258.426
- Dự án Cảng Nam Đình Vũ	394.552.832.185	(416.345.419.525)	54.571.001.250	32.778.413.910
- Các dự án khác	315.500.000	(315.500.000)	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Cộng

2.457.808.973.398	(835.031.128.459)	104.061.816.010	1.726.839.660.949
-------------------	-------------------	-----------------	-------------------

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept, Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải và Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ. Chi tiết phân bổ như sau:

Nguyên giá

Số đầu năm

334.718.217.270

Số cuối kỳ

334.718.217.270**Số đã phân bổ**

Số đầu năm

241.223.927.058

Phân bổ trong kỳ

8.348.287.805

Số cuối kỳ

249.572.214.863**Giá trị còn lại**

Số đầu năm

93.494.290.212

Số cuối kỳ

85.146.002.407**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	6.252.369.661	22.285.504.586
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	-	22.285.504.586
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	4.419.784.389	-
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	1.832.585.272	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	241.807.995.933	738.987.716.921
Shanghai Zhenhua Heavy Industries Co., Ltd	-	219.299.040.000
Rich Mountain Trading Co., Ltd	69.385.608.587	71.072.196.800
V-Forest Trading Co., Ltd	24.872.399.949	43.000.877.680
V.K.S Capital Investment Co.,Ltd	57.928.746.921	-
Các nhà cung cấp khác	89.621.240.476	405.615.602.441
Cộng	248.060.365.594	761.273.221.507

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	2.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	2.000.000.000	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	28.041.294.888	44.834.320.046
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	17.879.882.833	17.879.882.833
Marubeni Logistics Corporation	-	15.117.199.993
Các khách hàng khác	10.161.412.055	11.837.237.220
Cộng	30.041.294.888	44.834.320.046

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	2.919.662.050	-	5.482.829.994	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	224.823.009.071	454.197.511	34.103.148.549	1.934.612.615
Thuế thu nhập cá nhân	57.314.777.482	244.638.801	1.216.632.703	1.522.977.887
Các loại thuế khác	159.513.151	435.868.831	2.000.758.808	313.668.403
Cộng	285.216.961.754	1.134.705.143	42.803.370.054	3.771.258.905

19. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	6.772.783.889	6.285.908.465
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	6.616.497.746	6.285.908.465
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	156.286.143	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	145.488.559.976	310.759.175.094
Chi phí lãi vay	12.942.972.692	9.550.398.002
Chi phí cho dự án trồng cao su	59.996.826.945	58.143.173.960
Chi phí sửa chữa, xây dựng	20.873.087.013	15.248.157.242
Chi phí bốc xếp	24.738.170.894	19.152.578.328
Chi phí khác	26.937.502.433	208.664.867.562
Cộng	152.261.343.865	317.045.083.559

21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn**21a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Nhận tiền trả trước dịch vụ vận chuyển cho các hạng mục của dự án chưa hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****21b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào công ty liên kết	232.629.058.993	228.460.256.153
Doanh thu chưa thực hiện khác	3.108.876.790	3.217.325.980
Cộng	235.737.935.783	231.677.582.133

22. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**22a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	1.842.050.519	72.304.500
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	321.868.893	-
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	1.520.181.626	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept – Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng	-	72.304.500
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	248.218.004.865	580.661.971.703
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.433.725.738	1.967.344.581
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.723.295.000	12.315.425.815
Cổ tức phải trả	175.828.036.550	475.664.793.208
Phải trả về dịch vụ làm đại lý	1.535.903.832	13.857.644.949
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	67.697.043.745	76.856.763.150
Cộng	250.060.055.384	580.734.276.203

22b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	65.990.745.631	61.593.495.590
Chi phí thuê đất (*)	65.990.745.631	58.210.475.280
Nhận ký quỹ dài hạn	-	3.383.020.310
Cộng	65.990.745.631	61.593.495.590

(*) Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty Cổ phần Hòn ngọc Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hoa sen Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Niêm kiều hãnh Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 đến 31 tháng 3 năm 2018. Các khoản chi phí này được thanh toán sau thời hạn 05 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**23a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	245.690.876.602	244.776.728.013
Vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong hợp đồng	245.690.876.602	244.776.728.013

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân	18.778.259.759	239.462.274.519
Vay ngắn hạn ngân hàng	18.778.259.759	195.462.274.519
Vay ngân hàng TMCP Quốc tế	18.778.259.759	19.127.886.823
Vay ngân hàng TMCP Á Châu	-	175.605.000.000
Vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	729.387.696
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	-	44.000.000.000
Vay Công ty cổ phần Cảng Minh Phú – Hậu Giang	-	44.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả các tổ chức và cá nhân	163.898.947.214	230.274.337.448
Vay dài hạn đến hạn trả	142.448.348.901	208.903.550.948
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	21.450.598.313	21.370.786.500
Cộng	428.368.083.575	714.513.339.980

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

23b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	1.529.585.249.179	1.154.741.380.660
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	57.929.172.416	69.515.007.334
Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng	241.144.009.875	222.548.126.025
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	96.000.000.000	96.000.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	823.082.312.960	359.696.992.183
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Sài Gòn	-	202.632.195.118
Vay ngân hàng TMCP Á Châu	100.000.000.000	100.000.000.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông	211.429.753.928	104.349.060.000
Nợ thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LL	60.825.685.635	65.868.878.887
Cộng	1.590.410.934.814	1.220.610.259.547

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

23c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****24. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị.

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Kỳ này năm nay</u>	<u>Kỳ này năm trước</u>
Số đầu năm	6.567.021.758	9.891.943.471
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(6.232.721.933)	(241.732.527)
Số cuối kỳ	334.299.825	9.650.210.944

27. Vốn chủ sở hữu**27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	2.882.769.570.000	-	-	2.882.769.570.000
Thặng dư vốn cổ phần	1.941.832.197.040	-	-	1.941.832.197.040
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902	-	-	71.797.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	65.512.288.857	-	(13.055.070.043)	52.457.218.814
Quỹ đầu tư phát triển	140.506.685.321	-	-	140.506.685.321
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	128.055.807.347	-	(279.999.998)	127.775.807.349
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.113.091.207.224	1.267.479.960.284	(1.882.627.396.819)	497.943.770.689
Cộng	6.343.565.531.691	1.267.479.960.284	(1.895.962.466.860)	5.715.083.025.115

27b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	288.276.957	288.276.957
- Cổ phiếu phổ thông	288.276.957	288.276.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	288.276.957	288.276.957
- Cổ phiếu phổ thông	288.276.957	288.276.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****27c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các Công ty con lập bằng USD và MYR sang VND.

28. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT.**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	499.195.634.614	377.106.994.733
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	189.976.761.211	482.788.593.088
Cộng	689.172.395.825	859.895.587.821

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm giá hàng bán của doanh thu hoạt động khai thác cảng.

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	304.505.763.259	236.347.339.114
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	179.345.498.255	427.990.556.314
Cộng	483.851.261.514	664.337.895.428

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.594.159.293	3.841.614.316
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.246.856.561	10.476.864.847
Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.427.899.208	-
Lợi nhuận chuyển nhượng vốn đầu tư	1.355.724.109.244	-
Cộng	1.394.993.024.305	14.318.479.163

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.495.654.211	35.547.855.206
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.827.949.068	543.115.840

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ I NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Dự phòng (hoàn nhập) các khoản đầu tư tài chính	(22.737.835.603)	(1.436.875.230)
	Chi phí tài chính khác	68.335.790	1.042.288.565
	Cộng	19.654.103.466	35.696.384.381
6.	Chi phí bán hàng		
	Chi phí hoa hồng môi giới, chi phí khác cho hoạt động bán hàng.		
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Chi phí lương nhân viên quản lý	33.221.999.817	27.933.066.642
	Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.729.723.764	1.174.086.581
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.314.786.147	2.311.304.885
	Phân bổ lợi thế thương mại	8.348.287.805	8.348.287.805
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.226.485.506	14.571.542.990
	Chi phí khác	14.704.850.827	14.511.948.179
	Cộng	77.546.133.866	68.850.237.082
8.	Thu nhập khác		
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Lãi thanh lý tài sản cố định	704.999.999	2.070.005.745
	Phân bổ doanh thu chưa thực hiện (*)	1.453.822.526	1.453.822.526
	Thu nhập khác	3.916.472.820	2.708.820.756
	Cộng	6.075.295.345	6.232.649.027
(*) Doanh thu chưa thực hiện do đánh giá quyền sử dụng đất khi góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link phát sinh từ năm 2008 là 283.980.000.000 VND, Tập đoàn phân bổ doanh thu chưa thực hiện trong kỳ tương ứng với thời gian khấu hao quyền sử dụng đất là 48 năm và 10 tháng.			
9.	Chi phí khác		
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Chi phí khác	3.222.381.022	2.452.746.753
	Cộng	3.222.381.022	2.452.746.753
10.	Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	1.267.479.960.284	95.833.110.778
	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.123.972.090)	(7.666.648.862)
	Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.257.355.988.194	88.166.461.916

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	288.276.957	179.432.281
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	4.362	491
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.362	491

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được điều chỉnh theo mức trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi được xét duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.408.732.109	82.983.413.751
Chi phí nhân công	78.621.309.447	88.545.571.687
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại phân bổ	77.874.272.784	73.616.448.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	311.732.040.700	460.935.336.435
Chi phí khác	58.992.121.732	42.746.500.103
Cộng	583.628.476.772	748.827.270.232

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.071.755.000	1.873.500.000
Thu nhập khác	94.658.823	94.658.823
Cộng	2.166.413.823	1.968.158.823

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 1 NĂM 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm
Công ty TNHH Golden Globe
Công ty TNHH CJ-Gemadep Logistics Holdings
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadep – Terminal Link
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line - Gemadep

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.16, V.17, V.20, V.22 và V.23.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

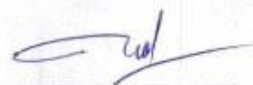
2. Giải trình biến động lợi nhuận Quý 1 năm 2018

	Quý 1 năm 2018	Quý 1 năm 2017	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	1.267.479.960.284	95.833.110.778	1.171.646.849.505

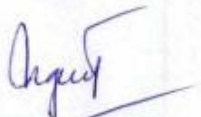
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ quý 1 năm 2018 đạt trên 1.267 tỷ đồng, tăng hơn 1.171 tỷ đồng so với quý 1 năm 2017 chủ yếu do:

- Lợi nhuận gộp tăng hơn 9 tỷ đồng do tăng trưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi là khai thác cảng và logistics;
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận khác tăng hơn 1.394 tỷ đồng, chủ yếu do lợi nhuận từ việc chuyển nhượng vốn trong các công ty con và chi phí lãi vay, chi phí dự phòng đầu tư tài chính giảm;
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng hơn 232 tỷ đồng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2018



Phạm Quang Huy
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc